

**NHỮNG VẤN ĐỀ BỨC XÚC
VỀ MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP**



CHƯƠNG 6

NHỮNG VẤN ĐỀ BỨC XÚC VỀ MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

Với khoảng 67% dân số tập trung ở khu vực nông thôn và đóng góp của ngành nông nghiệp là gần 20% GDP cả nước, có thể thấy rằng, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, BVMT và phát triển nông thôn bền vững là những yêu cầu cấp thiết trong thời gian tới. Chính vì vậy, việc nhận định rõ những vấn đề bức xúc về môi trường nông thôn trong những năm qua sẽ giúp các nhà quản lý, hoạch định chính sách có những định hướng và xác định đúng trọng tâm cho công tác quản lý và BVMT nông thôn, hoàn thành các mục tiêu đã đặt ra trong Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 và Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

6.1. CÁC VẤN ĐỀ BỨC XÚC VỀ MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

6.1.1. Phát triển sản xuất chưa quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường

Trong những năm qua, các ngành nông, lâm, thủy sản đã phát huy thế mạnh và tăng trưởng đều qua các năm. Tuy nhiên, các doanh nghiệp, nhà đầu tư mới chỉ tập trung vào phát triển kinh tế, chưa quan tâm thích đáng đến công tác BVMT, chưa đầu tư xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động sản xuất. Chính vì vậy, ô nhiễm môi trường từ hoạt động nuôi trồng và chế biến nông, lâm, thủy sản đang là một trong những vấn đề bức xúc trong thời gian qua.

Bên cạnh đó, việc các nhà máy, cơ sở chế biến nông, lâm, thủy sản đơn lẻ, nằm

ngoài các khu sản xuất tập trung, thiếu sự đầu tư vào cơ sở hạ tầng môi trường, đặc biệt là thiếu sự đầu tư cho các hệ thống xử lý chất thải hoặc đầu tư nhưng hoạt động không đạt tiêu chuẩn cũng khiến cho các cơ sở này trở thành một nguồn thải gây ô nhiễm môi trường.

Hiện nay, ở nhiều địa phương, tình trạng các hộ cá thể phát triển sản xuất nông, lâm, thủy sản tự phát hoặc theo phong trào nhưng thiếu sự hướng dẫn, kiểm soát từ các cơ quan quản lý vẫn đang diễn ra. Việc này dẫn đến không kiểm soát được các sản phẩm đầu ra, đồng thời cũng gây nhiều khó khăn cho công tác kiểm tra, giám sát và kiểm soát ô nhiễm môi trường từ các hoạt động này. Đó là việc phát triển các giống cây trồng theo phong trào (chưa có chiến lược lâu dài, chưa đảm bảo đầu ra cho sản phẩm) nên sau mỗi vụ thu hoạch vẫn diễn ra tình trạng “được mùa, mất giá”, nông sản không tiêu thụ được nên bị thải bỏ, gây ô nhiễm môi trường. Đồng thời với đó, cây trồng bị chặt bỏ hoặc đất bị bỏ hoang gây thoái hóa. Một vấn đề khác, hoạt động chăn nuôi gia súc gia cầm, nuôi trồng thủy sản phát triển ở quy mô hộ gia đình hoặc trang trại cỡ nhỏ tự phát, thiếu sự đầu tư dành cho xử lý chất thải, cũng là nguồn gây ô nhiễm môi trường.

Việc sử dụng phân bón, hóa chất BVTV trong trồng trọt, sử dụng thuốc tăng trọng, thuốc kháng sinh trong hoạt động chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản nhưng không tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật, đã đưa vào môi trường một dư lượng hóa

chất không nhỏ, gây ô nhiễm, ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái và sức khỏe cộng đồng.

6.1.2. Thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn - vấn đề còn nhiều bức xúc

Trong những năm gần đây, công tác thu gom CTR sinh hoạt tại khu vực nông thôn chưa thực sự được coi trọng. Nhiều thôn, xã chưa có các đơn vị chuyên trách trong việc thu gom CTR sinh hoạt nông thôn. Một số địa phương đã áp dụng các biện pháp thu gom rác thải sinh hoạt nhưng với quy mô nhỏ, phần lớn do HTX tự tổ chức thu gom, phương tiện thu gom còn rất thô sơ với các xe cải tiến chuyên chở về nơi tập trung rác. Mặt khác, hoạt động thu gom này không diễn ra thường xuyên mà kết hợp với các đợt nạo vét kênh mương do xã phát động. Theo thống kê, có khoảng 60% số thôn hoặc xã tổ chức thu dọn định kỳ, trên 40% thôn, xã đã hình thành các tổ thu gom rác thải tự quản. Tỷ lệ thu gom CTR sinh hoạt tại khu vực nông thôn chỉ mới đạt khoảng 40 - 55%. Do tỷ lệ thu gom chưa đáp ứng nhu cầu, nên rác vẫn tràn ngập khắp nơi công cộng, ao, hồ...

Đối với công tác xử lý CTR sinh hoạt nông thôn, nhiều địa phương xử lý chủ yếu bằng phương pháp chôn lấp hoặc đổ thải lộ thiên, không đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật, VSMT. Một số địa phương khác lại sử dụng phương pháp ủ phân compost. Tuy nhiên, hai phương pháp này chưa thể áp dụng rộng rãi tại khu vực nông thôn.

Trong những năm gần đây, một số địa phương đã đầu tư, lắp đặt các lò đốt CTR với công suất nhỏ, phục vụ việc xử lý CTR sinh hoạt cho một vùng nông thôn hoặc cho một khu vực dân cư. Tuy nhiên, hiệu quả xử lý cũng như quá trình vận hành có đảm bảo tiêu chuẩn môi trường hay không là vấn đề chưa được kiểm tra, xác nhận.

6.1.3. Chưa kiểm soát được chất thải là bao bì hóa chất bảo vệ thực vật

Việc thu gom CTR từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp như bao bì, chai lọ hóa chất BVTV... còn rất hạn chế. Tuy đây là nguồn chất thải thuộc danh mục độc hại cần thu gom, xử lý đúng quy định, nhưng thực tế, sau khi được sử dụng người nông dân thường xả thải ngay tại bờ ruộng, góc vườn hoặc nguy hiểm hơn, có trường hợp còn vứt xuống ao, hồ, đầu nguồn nước sinh hoạt. Mặc dù đã có một số tỉnh/thành phố như Nghệ An, Tuyên Quang, Vĩnh Long đã thực hiện công tác tổ chức thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý các loại hóa chất, vỏ bao bì hóa chất BVTV nhưng việc triển khai còn gặp rất nhiều khó khăn và hầu như chưa có mô hình thu gom bao bì hóa chất BVTV phù hợp với đặc thù của nền sản xuất nhỏ, phân tán của nước ta.

Công tác xử lý các loại vỏ bao bì, chai lọ thuốc BVTV hiện nay hầu như chưa an toàn, hợp vệ sinh. Bao bì thuốc BVTV sau khi thu gom cùng với bao bì phân bón hóa học thường được đem đốt hoặc chôn lấp ở xa khu dân cư. Nhiều địa phương, các loại chất thải này còn được thu gom chung với rác thải sinh hoạt. Phương pháp đốt ở các lò tiêu chuẩn có khả năng xử lý triệt để ô nhiễm nhưng chi phí xây dựng và vận hành cao, xa các cụm dân cư... Nếu địa phương có thu gom tập trung thì cũng phải thu gom một lượng đủ lớn mới có thể tổ chức đem tiêu hủy, trong khi đó số lò đủ tiêu chuẩn của Việt Nam còn quá ít, chi phí vận chuyển tới nơi tiêu hủy khá cao. Bên cạnh đó, cần có quy định khung pháp lý chuyên biệt cho việc thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải nguy hại khác.

6.1.4. Khó khăn trong kiểm soát ô nhiễm môi trường làng nghề

Ô nhiễm môi trường làng nghề vẫn tiếp tục là vấn đề nổi cộm của nước ta từ nhiều năm qua. Hiện nay, ở nhiều vùng nông thôn vẫn còn tồn tại những ngành sản xuất gây ô nhiễm không khí nặng (như tái chế nhựa, kim loại, chăn nuôi gia súc, sản xuất giấy...) không tuân thủ các quy định BVMT về xử lý chất thải, không thực hiện đánh giá tác động môi trường, nhưng vẫn chưa có giải pháp xử lý triệt để, mặc dù đã có những quy định về di dời và xử lý ô nhiễm đối với các loại hình làng nghề này¹. Nguyên nhân gây ô nhiễm chủ yếu là do các làng nghề có quy mô sản xuất nhỏ lẻ theo từng hộ gia đình, lại nằm xen lẫn trong khu dân cư cũng như chưa có sự đầu tư cho hệ thống xử lý chất thải nên rất khó kiểm tra, giám sát nguồn phát thải các chất ô nhiễm.

Thêm vào đó, trách nhiệm của các địa phương trong công tác quản lý môi trường làng nghề cũng chưa thực sự cao, kinh phí và nguồn lực phục vụ cho các hoạt động thanh tra, kiểm tra chưa đáp ứng yêu cầu nên khu vực này vẫn tiếp tục là điểm nóng về ô nhiễm môi trường.

6.1.5. Công tác quản lý môi trường nông thôn còn đan xen, thiếu đơn vị đầu mối quản lý, nhiều mảng còn bị bỏ ngỏ

Trong những năm qua, công tác quản lý môi trường nông thôn chưa có đơn vị đầu mối quản lý, ngay từ cấp trung ương. Mặc dù, theo chức năng nhiệm vụ được giao, Bộ TN&MT là đơn vị đầu mối quản lý môi trường nói chung nhưng trong quy định về chức năng nhiệm vụ chưa nêu rõ trách nhiệm quản lý môi trường nông thôn. Bộ

1. Thông tư số 46/2011/TT-BTNMT ngày 26/12/2011 của Bộ TN&MT quy định về bảo vệ môi trường làng nghề.

NN&PTNT và một số bộ ngành khác được phân công trách nhiệm quản lý môi trường ngành, lĩnh vực mình quản lý. Luật BVMT năm 2005 đã giao trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra công tác BVMT trong hoạt động sản xuất nông nghiệp cho Bộ NN&PTNT. Về quản lý hoạt động “cấp nước, thoát nước, xử lý CTR và nước thải tại làng nghề và khu dân cư nông thôn tập trung” lại là trách nhiệm của Bộ Xây dựng. Cùng với đó, với vai trò là cơ quan đầu mối quản lý môi trường, Bộ TN&MT được Thủ tướng Chính phủ giao đầu mối triển khai Đề án tổng thể BVMT làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030... Luật BVMT năm 2014, đã có những điều chỉnh và giải quyết được một phần những vấn đề đang tồn tại.

Công tác quản lý CTR khu vực nông thôn hiện nay tại các địa phương cũng đang trong tình trạng không thống nhất, nơi do Sở TN&MT quản lý, nơi lại do Sở NN&PTNT chịu trách nhiệm. Riêng đối với CTR sinh hoạt ở vùng nông thôn và CTR làng nghề, công tác quản lý vẫn còn bỏ ngỏ. Chính vì sự phân công, phân nhiệm của các Bộ/ngành trong quản lý CTR nông thôn còn chưa được rõ ràng nên chưa thấy được vai trò của các cấp trong hệ thống quản lý và chồng chéo khi triển khai thực hiện.

6.1.6. Tỷ lệ dân cư nông thôn được cấp nước sạch và điều kiện vệ sinh môi trường nông thôn còn thấp

Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2020² đã đặt ra mục tiêu “Đến năm 2020, tất cả dân cư nông thôn sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn quốc gia, sử dụng hố xí hợp vệ sinh và thực hiện tốt vệ sinh cá nhân,

2. Quyết định số 104/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25/8/2000 về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2020.

giữ sạch vệ sinh môi trường làng, xã". Tuy nhiên, với kết quả đạt được tính đến thời điểm hiện nay, để đạt được mục tiêu đặt ra là cả một thách thức lớn trước mắt. Tính đến hết năm 2014, tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch chỉ đạt 42%, tỷ lệ hộ dân sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh là 63% và chỉ có khoảng 45% hộ gia đình ở nông thôn chăn nuôi có chuồng trại hợp vệ sinh.

Bên cạnh đó, ở một số vùng nông thôn, các công trình nước sạch và VSMT nông thôn đã đi vào hoạt động nhưng chưa thực sự bền vững, năng lực và nguồn lực cho kiểm soát chất lượng của các công trình cấp nước ở nhiều địa phương còn rất hạn chế, đặc biệt là các công trình cấp nước quy mô nhỏ giao cho cộng đồng quản lý ở các tỉnh miền núi phía Bắc, Tây Nguyên và Bắc Trung Bộ.

6.2. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

6.2.1. Các giải pháp chung

Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 đã thống nhất việc giao trách nhiệm xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cấp trung ương chỉ giao cho Bộ TN&MT, còn việc triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm là của chính quyền địa phương. Đây là vấn đề quan trọng nhất cần được quy định chi tiết trong các văn bản hướng dẫn thi hành luật và dưới luật.

Các giải pháp đồng bộ, cần thiết khác cũng cần được thực hiện, đó là:

- Hoàn thiện chính sách, pháp luật về BVMT nông thôn, rà soát, điều chỉnh bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là nhóm tiêu chí về môi trường để phù hợp với tình hình thực tế, có tính khả thi; xây dựng quy chế quản lý, hương ước, quy ước nhằm huy động sự tham gia của cộng

đồng trong quản lý chất thải nông thôn; thực hiện chính sách khuyến khích và các biện pháp phù hợp trong quản lý chất thải nông thôn; cơ chế hỗ trợ phát triển các tổ chức dịch vụ môi trường nông thôn. Một trong những giải pháp quan trọng là xây dựng quy chế huy động sự tham gia của các tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư.

- *Kiện toàn bộ máy thực thi công tác BVMT các cấp, sắp xếp, bố trí lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác BVMT cấp huyện và cấp xã, bảo đảm đủ năng lực thực hiện công tác quản lý nhà nước về BVMT tại các địa phương một cách hiệu quả; đề xuất cơ chế phối hợp giữa các loại hình dịch vụ, kết hợp giữa các cấp trong quản lý chất thải nông thôn; nâng cao năng lực quản lý của địa phương; thực hiện phân công trách nhiệm quản lý nhà nước giữa các cấp trong quản lý chất thải nông thôn, trong đó phân công rõ trách nhiệm quản lý môi trường nông thôn cho Bộ TN&MT ở cấp trung ương và Sở TN&MT ở cấp địa phương. Đây là một trong những giải pháp quan trọng nhằm từng bước giải quyết vấn đề còn tồn tại lớn hiện nay trong công tác quản lý môi trường nông thôn.*

- *Huy động nguồn tài chính, tăng đầu tư từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác cho hoạt động BVMT nông thôn nói chung và cho việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới; về nước sạch và VSMT nông thôn; về khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường... cần ưu tiên nguồn lực để giải quyết từng bước những vấn đề bức xúc hiện nay như xử lý CTR, nước thải...*

- *Tăng cường khâu kiểm tra, giám sát, đặc biệt là kiểm tra trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương trong thực thi công tác BVMT.*

- Khu vực nông thôn có đặc trưng là tính cộng đồng rất cao, chính vì vậy, công tác tuyên truyền thường hiệu quả hơn khu vực đô thị. Do đó, cần tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BVMT; giáo dục cộng đồng bằng các phương tiện truyền thông đa dạng, phong phú; truyền thông về quyền và trách nhiệm của cộng đồng trong quản lý chất thải.

Xây dựng các mô hình điểm về cộng đồng tham gia công tác BVMT là một trong những giải pháp quan trọng trong quản lý môi trường nông thôn. Nếu mô hình được xây dựng hiệu quả sẽ dễ phát huy và nhân rộng trong cộng đồng làng xã. Đồng thời, nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động của các tổ chức dịch vụ môi trường; nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động và vai trò của các tổ chức chính trị, đoàn thể tại các địa phương (Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên...) trong công tác BVMT nông thôn. Ngoài ra, cần tiếp tục tăng cường những chính sách, chương trình huy động đóng góp về tài chính, nhân lực; huy động cộng đồng tham gia các dịch vụ quản lý chất thải nông thôn; xây dựng và thực hiện các chương trình tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, tổ chức dịch vụ, kỹ năng giám sát của cộng đồng dân cư trong quản lý và BVMT nông thôn.

- *Giải pháp về công nghệ, kỹ thuật:* lựa chọn các công nghệ phù hợp với điều kiện kinh tế, trình độ quản lý và tập quán của từng vùng để phổ biến áp dụng; ưu tiên các biện pháp giảm thiểu chất thải tại nguồn phát sinh, tăng cường tận thu, tái chế, tái sử dụng chất thải trong nông nghiệp. Định hướng và khuyến khích sản xuất sạch, sản xuất sạch hơn...

6.2.2. Giải pháp ưu tiên cho các vấn đề nổi cộm

Sản xuất nông, lâm, thủy sản gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

Năm 2012, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Theo đó, quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp phải trên cơ sở tiếp cận thị trường, kết hợp ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học, công nghệ, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên đất, nước, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái để khai thác có hiệu quả lợi thế và điều kiện tự nhiên của mỗi vùng, mỗi địa phương. Để thực hiện được các mục tiêu đặt ra, cần ưu tiên, thực hiện một số giải pháp sau:

Tăng cường công tác quản lý, giám sát thực hiện quy hoạch để đảm bảo phát triển ngành có định hướng, bền vững, phát triển sản xuất đi đôi với đầu tư bảo vệ môi trường.

Tăng cường năng lực của hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; hệ thống BVTN, thú y, hệ thống quản lý chất lượng nông lâm thủy sản, các dịch vụ khác để hướng dẫn, quản lý, kiểm soát chất lượng và vấn đề tiêu thụ sản phẩm... trong sản xuất nông, lâm, thủy sản, nhằm giảm thiểu các nguy cơ ô nhiễm môi trường từ các hoạt động nêu trên.

Quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật trạm trại và hạ tầng cho các vùng nuôi, bao gồm đê bao, kênh cấp và thoát nước cấp I, cống và trạm bơm lớn. Đầu tư các trung tâm quan trắc và cảnh báo môi trường vùng nuôi trồng thủy sản chủ lực.



Đầu tư nâng cao năng lực hệ thống cơ sở hạ tầng nghiên cứu khoa học công nghệ theo hướng tiếp cận, khuyến khích sản xuất sạch, đưa ra những sản phẩm thân thiện với môi trường.

Tạo điều kiện cho kinh tế hộ gia đình phát triển sản xuất hàng hóa theo hướng mở rộng quy mô trang trại, khuyến khích phát triển liên kết hộ nông dân với các doanh nghiệp, HTX, tổ chức khoa học, hiệp hội ngành hàng trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm để huy động đầu tư mở rộng cho sản xuất và BVMT; quy hoạch vùng chăn nuôi tập trung xa khu vực dân cư.

Tiếp tục thực hiện nhanh việc giao đất, khoán rừng trong lâm nghiệp và chính sách khuyến khích cộng đồng thôn, bản, xã, nhân dân tham gia bảo vệ rừng tự nhiên và phát triển sinh kế cộng đồng gắn với rừng.

Xây dựng chính sách khuyến khích đầu tư sản xuất máy động cơ, máy canh tác phục vụ sản xuất nông, lâm, ngư, nghiệp, diêm nghiệp với giá thành hợp lý. Mở rộng sản xuất theo hướng tập trung chuyên canh, hình thành cánh đồng mẫu lớn, nhằm tạo điều kiện cho nông dân, doanh nghiệp, các tổ chức sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, áp dụng nhanh cơ giới hóa vào các khâu từ sản xuất - bảo quản - chế biến - vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm.

Quản lý chất thải rắn sinh hoạt khu vực nông thôn

Theo đặc trưng của từng vùng nông thôn, cần có những giải pháp riêng, phù hợp (quy hoạch tập trung; tổ chức mô hình thu gom, xử lý quy mô nhỏ; tự thu gom, phân loại và xử lý tại chỗ...) nhằm quản lý hiệu quả CTR sinh hoạt của từng vùng.

Xem xét việc ứng dụng các công nghệ đốt CTR đảm bảo tiêu chuẩn, không gây ra

nguồn ô nhiễm thứ cấp trong quá trình vận hành (việc nhập khẩu thiết bị cũng như việc kiểm tra đảm bảo theo đúng các yêu cầu đặt ra trước khi đưa vào vận hành).

Tiếp tục đẩy mạnh các mô hình thu gom CTR sinh hoạt dựa vào cộng đồng dân cư nông thôn. Đặc biệt, cần hướng dẫn, tuyên truyền việc phân loại rác thải tại nguồn nhằm giảm thiểu lượng rác thải phải xử lý, tăng tỷ lệ rác thải được tái chế làm phân bón vi sinh...

Quản lý bao bì thải và phân bón, hóa chất bảo vệ thực vật trong môi trường

Áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác nhằm giảm thiểu sử dụng hóa chất BVTV; yêu cầu quản lý và giám sát các kho thuốc BVTV, phân bón và một số trường hợp tương tự khác; tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật khi sử dụng các loại hóa chất BVTV;

Tuân thủ quy định về thu gom và xử lý bao bì hóa chất BVTV thải bỏ trong hoạt động trồng trọt;

Tuyên truyền, vận động người dân thực hiện tốt các quy định về sử dụng và thải bỏ các loại chất thải từ hoạt động trồng trọt.

Kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề

Xây dựng các CCN - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề ở ngoài khu dân cư. Đồng thời, bổ sung các quy định và giám sát chặt chẽ việc thực hiện yêu cầu hoàn thiện các hệ thống xử lý chất thải trước khi CCN tiểu thủ công nghiệp làng nghề đi vào hoạt động; Kiểm soát và quản lý việc hình thành các làng nghề tự phát. Xây dựng lộ trình để từng bước cải thiện vấn đề môi trường tại các làng nghề.

Xử lý chất thải: xây dựng các trạm xử lý nước thải tại các làng nghề có mức độ phát thải lớn; quy định việc xử lý thô

nước thải sản xuất, sinh hoạt ở quy mô hộ gia đình; từng bước giảm tiếng ồn từ các phương tiện máy móc sản xuất; đối với những làng nghề có phát sinh khí thải độc hại cần đầu tư thay đổi công nghệ hoặc thậm chí chuyển đổi loại hình sản xuất; thực hiện phân loại CTR tại nguồn và có các biện pháp xử lý phù hợp đối với CTR từ hoạt động sản xuất.

Đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục ý thức BVMT cho người dân trước, trong và sau khi sản xuất; vận động, khuyến khích và có chính sách ưu đãi đối với các hộ sản xuất, doanh nghiệp ở các làng nghề đầu tư công nghệ, thiết bị mới không ảnh hưởng đến môi trường.

Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả triển khai Chương trình quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

Tiếp tục dành ưu tiên nguồn lực cho Chương trình gồm vốn ngân sách hàng năm, vốn tín dụng ưu đãi và vận động các nguồn vốn ODA để triển khai các nội dung, kế hoạch theo đúng lộ trình đặt ra.

Quan tâm và ban hành các cơ chế chính sách khuyến khích phù hợp với điều kiện và đặc thù của từng vùng miền, địa phương, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư tham gia trong lĩnh vực nước sạch và VSMT nông thôn. Đẩy mạnh chỉ đạo, triển khai, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện tiêu chí số 17 của bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

Tiếp tục tranh thủ và vận động nguồn tài trợ đầu tư cho Chương trình cũng như sự hỗ trợ kỹ thuật của các nhà tài trợ và các tổ chức quốc tế.

Tăng cường công tác quản lý, vận hành khai thác công trình cấp nước tập trung nông thôn nhằm tăng tỷ lệ công trình hoạt động hiệu quả, bền vững.

Ưu tiên xây dựng và triển khai các mô hình, khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân và mô hình đối tác công tư trong lĩnh vực nước sạch và VSMT nông thôn.

6.2.3. Giải pháp theo vùng, miền

Cùng với việc xem xét, triển khai đồng bộ các giải pháp chung đã nêu trong mục 6.2.1, cũng cần xem xét tới yếu tố vùng miền trong định hướng quản lý môi trường nông thôn. Mỗi vùng nông thôn ở những vùng miền khác nhau sẽ có những đặc trưng khác nhau, vấn đề môi trường khác nhau cũng như định hướng phát triển riêng. Chính vì vậy, cần có những giải pháp riêng, trọng tâm để phát huy tối đa thế mạnh của từng vùng cũng như mang đến hiệu quả tốt đối với công tác quản lý và BVMT nông thôn.

Nhóm giải pháp đề xuất cho hoạt động quản lý và BVMT nông thôn vùng trung du, miền núi, cao nguyên

Khu vực nông thôn miền núi (TDMNPB, Tây Nguyên) là khu vực tập trung nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, có tập quán sinh hoạt và hoạt động sản xuất chủ yếu dựa vào rừng. Chính vì vậy, vấn đề giao đất, giao rừng, tập trung triển khai chính sách, chương trình về chi trả dịch vụ môi trường rừng là nội dung cần được ưu tiên. Xây dựng mô hình điểm để triển khai nhân rộng chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các khu vực có rừng, tạo sinh kế cho người dân.

Cùng với đó, cần tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến cũng như hướng dẫn cho người dân (đặc biệt là các dân tộc thiểu số) bỏ dần tập quán du canh, du cư, đốt nương làm rẫy, nâng cao ý thức bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học, nguồn gen bản địa...

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai chương trình nước sạch, VSMT đến các khu vực dân cư vùng sâu, vùng xa.

Ở các vùng trung du, có nhiều điều kiện tiếp cận hơn với các thành tựu khoa học với các thế mạnh của vùng như phát triển cây công nghiệp, có các vùng chuyên canh lớn, có các trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm... cũng là các khu vực có nhiều nguy cơ bị ô nhiễm môi trường do chất thải từ bao bì hóa chất BVTN trong trồng trọt, chất thải từ hoạt động chăn nuôi. Chính vì vậy, cùng với việc phát triển sản xuất, cơ quan quản lý môi trường ở địa phương cần giám sát, quản lý chặt chẽ, đồng thời có những hướng dẫn kịp thời hoặc có biện pháp hỗ trợ người dân trong việc thu gom, xử lý CTNH từ hoạt động trồng trọt hay có chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư các hệ thống thu gom, xử lý chất thải từ hoạt động chăn nuôi.

Với đặc trưng dân cư có mật độ thưa, công tác quy hoạch, quản lý chất thải từ hoạt động sinh hoạt của các khu vực này cũng cần xem xét để đầu tư phù hợp. Theo đó, cần tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện tốt việc đảm bảo VSMT quanh khu vực mình sinh sống, thu gom, phân loại tại nguồn và tự xử lý tại chỗ đối với rác thải sinh hoạt của các hộ gia đình.

Nhóm giải pháp đề xuất cho hoạt động quản lý và BVMT nông thôn vùng đồng bằng

Khu vực đồng bằng là nơi tập trung đông dân cư nông thôn nhất. Khu vực này phát triển khá mạnh các ngành nghề như trồng trọt (lúa nước, cây hoa màu, cây ăn quả...), chăn nuôi (quy mô trang trại, hộ gia đình), đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề... Có thể thấy rằng, khu vực nông thôn vùng đồng bằng là nơi hoạt động phát triển KT-

XH diễn ra mạnh mẽ, đồng nghĩa với áp lực môi trường từ các hoạt động này cũng rất lớn. Chính vì vậy, vấn đề định hướng và quy hoạch phát triển ngành nghề bền vững kết hợp với BVMT là nhiệm vụ trọng tâm của các cấp quản lý.

Đây cũng là vùng nông thôn có nhiều điều kiện thuận lợi hơn các vùng khác trong việc triển khai thực hiện các tiêu chí nói chung và tiêu chí môi trường nói riêng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Theo đó, các cơ quan quản lý môi trường của địa phương đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng các chương trình, dự án nhằm triển khai thực hiện các tiêu chí môi trường như triển khai xây dựng các hệ thống thu gom nước thải tập trung, quy hoạch bãi chôn lấp, khu xử lý CTR, quy hoạch nghĩa trang... Nghiên cứu và triển khai và nhân rộng các mô hình tái xử lý chất thải đã được triển khai thành công ở một số địa phương (tái sử dụng rơm rạ, chất thải từ cây trồng sử dụng cho chăn nuôi, nuôi trồng nấm...; sử dụng phân chuồng từ hoạt động chăn nuôi làm biogas...). Đồng thời, cần huy động tối đa nguồn lực (nhân lực, tài lực) của cộng đồng trong công tác quản lý và BVMT nông thôn.

Với đặc trưng dân cư đông đúc, tính chất làng xã, cộng đồng rất cao nên việc huy động sự tham gia của cộng đồng trong công tác BVMT nông thôn là khá thuận lợi. Theo đó, đối với công tác quản lý chất thải sinh hoạt, cần xây dựng mô hình thu gom do xã, thôn tổ chức, có sự hỗ trợ, giám sát của chính quyền địa phương hoặc từng bước xây dựng và nhân rộng mô hình HTX dịch vụ môi trường, có điều lệ hoạt động, phương án sản xuất dịch vụ, kết hợp nhiều loại dịch vụ môi trường (thu gom rác

thải, thoát nước, cây xanh, quản lý nghĩa trang...). Nếu mô hình này được nhân rộng sẽ phát huy hiệu quả cao và có tính bền vững đối với các khu vực dân cư nông thôn vùng đồng bằng. Riêng đối với khu vực ĐBSCL, với đặc trưng là vùng sông nước, chịu ảnh hưởng mạnh của chế độ triều nên cần có những nghiên cứu để đưa ra những giải pháp phù hợp đối với công tác quản lý và xử lý chất thải.

Ở khu vực đồng bằng, cũng cần chú trọng việc xây dựng và đưa các nội dung về BVMT vào trong các hương ước, quy ước của làng xã nhằm đơn giản hóa các quy định pháp luật, đưa các quy định về chấp hành pháp luật đi vào cuộc sống của người dân. Phát triển các phong trào quần chúng tham gia BVMT. Phát hiện các mô hình, điển hình tiên tiến trong hoạt động BVMT để khen thưởng, phổ biến, nhân rộng sẽ là những biện pháp tốt đối với công tác quản lý môi trường nông thôn.

Cần tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai thực hiện các đề án, chương trình kiểm soát và khắc phục ô nhiễm từ các làng nghề. Đẩy mạnh triển khai các chính sách, chương trình ưu đãi, hỗ trợ các cơ sở sản xuất, tổ chức hoạt động dịch vụ trong việc đầu tư các trang thiết bị xử lý chất thải từ hoạt động sản xuất.

Nhóm giải pháp đề xuất cho hoạt động quản lý và BVMT nông thôn vùng duyên hải ven biển

Người dân nông thôn vùng ven biển chủ yếu sống bằng nghề đi biển, nuôi trồng thủy sản và nghề muối. Ở các khu vực này, cơ sở hạ tầng chưa được đầu tư đầy đủ, điều kiện sinh hoạt của nhiều người dân cũng không được đảm bảo, kinh tế bấp bênh... là những áp lực lớn lên môi trường. Vấn đề cũng trở nên nghiêm trọng hơn khi những

năm gần đây, vùng ven biển nước ta đang đứng trước nguy cơ chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu.

Chính vì vậy, một trong những giải pháp trọng tâm là việc đầu tư, xây dựng và quy hoạch phát triển vùng nông thôn ven biển theo hướng phát huy lợi thế đi đôi với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Theo đó, chú trọng vào khai thác phát triển nguồn lợi thủy sản, khai thác phát triển du lịch bền vững gắn với BVMT. Song song với đó, cần quan tâm và có kế hoạch bảo tồn các hệ sinh thái ven biển (rừng ngập mặn, đất ngập nước...).

Tổ chức các chương trình, hướng dẫn người dân phát triển sản xuất gắn với BVMT trong nuôi trồng thủy sản.

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực, ý thức chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Hướng dẫn, hỗ trợ người dân vùng ven biển trong việc phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn do nước biển dâng...

